Ký bởi: THANH TRA CHÍNH PHỦ
Cơ quan: THANH TRA CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 23/07/2026 11:05:29

THANH TRA CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2429 /TTCP-PC Về việc góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết Chính phủ quy định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị của thanh tra	*Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026*

Kính gửi: - Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu tại cuộc họp xử lý kiến nghị của Thanh tra Chính phủ liên quan đến việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra (tại Thông báo số 274/VPCP-V.I ngày 30/5/2026 của Văn phòng Chính phủ), Thanh tra Chính phủ đã xây dựng dự thảo Tờ trình trình Chính phủ và dự thảo Nghị quyết của Chính phủ quy định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị của thanh tra nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra. (*Dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo Công văn này và có thể tải trực tuyến tại* https://drive.google.com/drive/folders/1UI1WUVywcNEt5LeWB7j8oJDhpqUvOTeW?usp=drive_link).

Thanh tra Chính phủ kính gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tham gia ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết, gửi Thanh tra Chính phủ để tiếp thu, hoàn thiện, gửi Bộ Tư pháp thẩm định và báo cáo Chính phủ trong tháng 7/2026.

Văn bản góp ý gửi về Thanh tra Chính phủ (qua Vụ Pháp chế) theo địa chỉ: số 20 Hoàng Quán Chi, phường Cầu Giấy, Hà Nội ***trước 26/7/2026***.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổng Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Tổng TTCP;
- Văn phòng (để đăng tải Dự thảo lấy ý kiến trên Cổng TTĐT);
- Các cục, vụ, đơn vị (để góp ý Dự thảo);
- Lưu: VT, PC. 1

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

Lê Tiến Đạt

Quét mã QR để tải dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết.

THANH TRA CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-TTCP	*Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026*

(Dự thảo)

TỜ TRÌNH
Về dự thảo Nghị quyết của Chính phủ quy định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; Luật Thanh tra số 84/2025/QH15, Thanh tra Chính phủ trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết quy định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Kết luận thanh tra là căn cứ quan trọng để xử lý vi phạm, thu hồi tài sản, hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phòng ngừa vi phạm. Luật Thanh tra năm 2025 đã quy định rõ giá trị pháp lý của kết luận thanh tra, trách nhiệm thực hiện kết luận thanh tra và trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra.

Tuy nhiên, thực tiễn tổ chức thực hiện kết luận thanh tra trong thời gian qua cho thấy có một số trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc mà nguyên nhân không xuất phát từ việc không chấp hành kết luận thanh tra, mà do sự thay đổi của chính sách, pháp luật; thay đổi quy hoạch, điều kiện kinh tế - xã hội; sắp xếp tổ chức bộ máy; hoặc phát hiện những tình tiết, tài liệu mới có thể làm thay đổi căn cứ áp dụng pháp luật hoặc nội dung kiến nghị xử lý.

Bên cạnh đó, có những kết luận thanh tra được ban hành trong bối cảnh hệ thống pháp luật còn chồng chéo, chưa thống nhất hoặc sau đó đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng khác với căn cứ pháp lý tại thời điểm ban hành kết luận. Trong những trường hợp này, nếu tiếp tục thực hiện nguyên trạng kết luận thanh tra có thể dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, cũng như việc triển khai các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội đã xác định chủ trương cho phép xử lý các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật nhằm khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển, đồng thời giao Chính phủ chủ động rà soát, hoàn

thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền. Trong bối cảnh đó, việc ban hành Nghị quyết của Chính phủ quy định cơ chế xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra trong những trường hợp đặc biệt, có căn cứ pháp luật và căn cứ thực tiễn là cần thiết.

Việc ban hành Nghị quyết nhằm thiết lập cơ sở pháp lý thống nhất để xem xét sửa đổi, bổ sung một phần nội dung của kết luận, kiến nghị thanh tra khi có đủ điều kiện theo quy định; bảo đảm việc thực hiện kết luận thanh tra phù hợp với pháp luật hiện hành và thực tiễn khách quan; đồng thời vẫn giữ vững nguyên tắc tôn trọng tính đúng đắn của hoạt động thanh tra, không hợp thức hóa sai phạm, không làm ảnh hưởng đến việc xử lý trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm pháp luật và không làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Nghị quyết cũng góp phần hoàn thiện cơ chế xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kết luận thanh tra theo hướng công khai, minh bạch, có kiểm soát, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và trình tự, thủ tục xem xét, qua đó nâng cao tính khả thi của kết luận thanh tra, tăng cường niềm tin của người dân, doanh nghiệp và tạo điều kiện khơi thông các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

a) Thiết lập cơ sở pháp lý thống nhất để xem xét việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra trong quá trình tổ chức thực hiện khi phát sinh khó khăn, vướng mắc do thay đổi của pháp luật, thay đổi điều kiện thực tế hoặc có căn cứ khách quan khác theo quy định của pháp luật.

b) Bảo đảm việc thực hiện kết luận thanh tra phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; góp phần tháo gỡ khó khăn, khơi thông nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

c) Xây dựng cơ chế pháp lý công khai, minh bạch, chặt chẽ về điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm trong việc xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra; bảo đảm kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện, phòng ngừa việc lợi dụng cơ chế này để hợp thức hóa sai phạm hoặc làm giảm hiệu lực của hoạt động thanh tra.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện kết luận thanh tra; bảo đảm sự thống nhất giữa hoạt động thanh tra với yêu cầu hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng, thực hiện đúng Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội và bảo đảm thống nhất với Luật Thanh tra năm 2025, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra chỉ được thực hiện trong những trường hợp thật sự cần thiết, có căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn rõ ràng, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch và đúng thẩm quyền.

c) Không hợp thức hóa hành vi vi phạm pháp luật; không làm thay đổi bản chất của hành vi vi phạm đã được xác định đúng pháp luật; không làm ảnh hưởng đến việc xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có vi phạm hoặc việc xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự, dân sự, hành chính và pháp luật khác có liên quan.

d) Bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu giữ vững tính nghiêm minh, hiệu lực của kết luận thanh tra với yêu cầu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và lợi ích công cộng.

đ) Đẩy mạnh phân cấp, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình trong quá trình tổ chức thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội, Thanh tra Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, rà soát các quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành kết luận thanh tra để xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Trong quá trình xây dựng dự thảo, Thanh tra Chính phủ đã tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm, đánh giá những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn tổ chức thực hiện kết luận thanh tra; lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học và các cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

2. Những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết tập trung quy định các nhóm chính sách chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, quy định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra, bảo đảm việc sửa đổi, bổ sung chỉ được thực hiện trong những trường hợp thật sự cần thiết, có căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn rõ ràng.

Thứ hai, quy định cụ thể các trường hợp được xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra, trong đó tập trung vào những trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc do thay đổi quy định của pháp luật, thay đổi điều kiện thực tế

hoặc xuất hiện căn cứ mới làm ảnh hưởng đến khả năng thực hiện kết luận thanh tra.

Thứ ba, quy định rõ phạm vi nội dung được sửa đổi, bổ sung và những nội dung không được sửa đổi, bổ sung, bảo đảm giữ vững giá trị pháp lý của kết luận thanh tra, không hợp thức hóa sai phạm, không làm ảnh hưởng đến việc xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, chặt chẽ, đúng thẩm quyền và có cơ chế kiểm soát quyền lực trong quá trình thực hiện.

Thứ năm, quy định hiệu lực pháp lý của quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện sau khi quyết định sửa đổi, bổ sung được ban hành.

Việc xây dựng các chính sách nêu trên nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất để xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kết luận thanh tra, đồng thời bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra và đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia trong giai đoạn phát triển mới.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm **9 điều**, quy định các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết là việc xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra trong quá trình tổ chức thực hiện khi phát sinh khó khăn, vướng mắc; xác định rõ đối tượng áp dụng, bao gồm cơ quan thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra.

2. Nguyên tắc xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

Quy định các nguyên tắc bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, khách quan, công khai, minh bạch; chỉ xem xét sửa đổi, bổ sung trong trường hợp thật sự cần thiết và có căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn rõ ràng; không hợp thức hóa hành vi vi phạm, không làm thay đổi bản chất của hành vi vi phạm đã được xác định đúng pháp luật, không làm ảnh hưởng đến việc xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Các trường hợp được xem xét sửa đổi, bổ sung

Quy định cụ thể các trường hợp được xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra, như: pháp luật có sự thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến căn cứ hoặc khả năng thực hiện kết luận thanh tra; có kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định nội dung kết luận thanh tra có sai sót khách quan; xuất hiện tình tiết hoặc chứng cứ mới có thể làm thay đổi căn cứ xử lý; có thay đổi về quy hoạch,

tổ chức bộ máy hoặc các điều kiện khách quan khác dẫn đến không thể hoặc không còn phù hợp để tiếp tục thực hiện nguyên trạng kết luận thanh tra.

4. Nội dung được sửa đổi, bổ sung và nội dung không được sửa đổi, bổ sung

Quy định rõ phạm vi các nội dung có thể được sửa đổi, bổ sung, bao gồm kiến nghị xử lý kinh tế, kiến nghị xử lý hành chính, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, thời hạn và biện pháp tổ chức thực hiện. Đồng thời quy định rõ các nội dung không được sửa đổi, bổ sung, đặc biệt là các kết luận về hành vi vi phạm đã được xác định đúng pháp luật, các nội dung làm căn cứ xử lý hình sự hoặc thuộc phạm vi điều chỉnh của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xem xét sửa đổi, bổ sung

Quy định cụ thể cơ quan, người có thẩm quyền quyết định; trình tự tiếp nhận, lấy ý kiến, xem xét và ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận thanh tra; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình giải quyết, bảo đảm đúng thẩm quyền, khách quan, công khai và minh bạch.

6. Hiệu lực của quyết định sửa đổi, bổ sung và trách nhiệm tổ chức thực hiện

Quy định hiệu lực pháp lý của quyết định sửa đổi, bổ sung đối với việc tiếp tục thực hiện kết luận thanh tra; trách nhiệm của cơ quan thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện; xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp lợi dụng việc sửa đổi, bổ sung để hợp thức hóa sai phạm hoặc cản trở việc thực hiện kết luận thanh tra.

Các quy định của dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo hướng bảo đảm tính khả thi, đồng bộ với Luật Thanh tra năm 2025 và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ nhằm bảo đảm việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra chỉ được thực hiện trong các trường hợp thật sự cần thiết, đúng thẩm quyền, đúng căn cứ pháp luật và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

V. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, HIẾN PHÁP VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng

Dự thảo Nghị quyết thể chế hóa chủ trương của Đảng về tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, khơi thông nguồn lực cho phát triển và tăng cường kiểm soát quyền lực trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Việc quy định cơ chế xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra nhằm xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện không làm thay đổi bản chất của hoạt động thanh tra, mà góp phần bảo đảm việc thực hiện kết luận thanh tra phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và yêu cầu

quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Phù hợp với Hiến pháp năm 2013

Dự thảo Nghị quyết bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc của Hiến pháp năm 2013 về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh theo quy định của Hiến pháp; đồng thời đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi của hệ thống pháp luật.

Các quy định của dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc mọi hoạt động của cơ quan nhà nước phải được thực hiện theo Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong việc xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra.

3. Phù hợp với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và các quy định của Luật Thanh tra năm 2025 về giá trị pháp lý của kết luận thanh tra, trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận thanh tra và trách nhiệm của cơ quan thanh tra trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra.

Các quy định của dự thảo Nghị quyết bảo đảm thống nhất với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các luật có liên quan; không làm thay đổi thẩm quyền xử lý vi phạm, không làm thay đổi trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân đã được xác định theo quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến việc xử lý các vụ việc thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Dự thảo Nghị quyết chỉ quy định cơ chế xem xét điều chỉnh việc thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra trong những trường hợp đặc biệt, có đủ căn cứ pháp luật và căn cứ thực tiễn, nhằm bảo đảm tính khả thi của việc thực hiện kết luận thanh tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trước khi ban hành, Chính phủ kính đề nghị Chính phủ xem xét, cho ý kiến đối với một số vấn đề chính sách sau đây:

1. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết

Đề nghị Chính phủ cho ý kiến về việc quy định Nghị quyết điều chỉnh cơ chế xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra trong quá trình tổ chức thực hiện khi phát sinh khó khăn, vướng mắc do thay đổi của pháp luật, thay đổi điều kiện thực tế hoặc có căn cứ khách quan khác theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, đề nghị xác định rõ phạm vi áp dụng của Nghị quyết chỉ giới hạn đối với việc xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kết luận

thanh tra, không làm thay đổi bản chất của hoạt động thanh tra và không làm ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của các kết luận về hành vi vi phạm đã được xác định đúng pháp luật.

2. Về các trường hợp được xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

Đề nghị Chính phủ cho ý kiến về việc quy định cụ thể các trường hợp được xem xét sửa đổi, bổ sung, bao gồm: 1) Phát hiện sai sót trong quá trình ban hành kết luận, kiến nghị thanh tra làm ảnh hưởng đến tính chính xác của nội dung kết luận, kiến nghị thanh tra; 2) Phát sinh tình tiết mới hoặc tài liệu, chứng cứ mới làm ảnh hưởng đến nội dung kết luận, kiến nghị thanh tra; 3) Quy định của pháp luật được áp dụng làm căn cứ ban hành kết luận, kiến nghị thanh tra đã thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung kết luận, kiến nghị thanh tra hoặc việc tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra; 4) Có kết luận, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan tiến hành tố tụng làm thay đổi căn cứ pháp lý hoặc căn cứ thực tế của kết luận, kiến nghị thanh tra; 5) Do sắp xếp tổ chức bộ máy, điều chỉnh địa giới hành chính, thay đổi quy hoạch, thay đổi cơ chế, chính sách hoặc các nguyên nhân khách quan khác dẫn đến việc không thể thực hiện hoặc không còn phù hợp để tiếp tục thực hiện toàn bộ hoặc một phần kết luận, kiến nghị thanh tra; 6) Trường hợp khác theo nghị quyết của Quốc hội hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Về thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

Đề nghị Chính phủ cho ý kiến về việc giao Thủ trưởng cơ quan thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra quyết định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra. Đối với kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra đã kết thúc hoạt động thì Thủ trưởng cơ quan thanh tra đã tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thanh tra đó quyết định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra.

Đối với kết luận thanh tra đã báo cáo xin ý kiến và được Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp đồng ý thì Thủ trưởng cơ quan thanh tra phải báo cáo xin ý kiến của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước đó về việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra trước khi quyết định.

Trường hợp không xác định được thẩm quyền sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra, báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Về cơ chế kiểm soát quyền lực trong việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

Đề nghị Chính phủ cho ý kiến về việc quy định các nguyên tắc và cơ chế kiểm soát nhằm bảo đảm việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra được thực hiện khách quan, công khai, minh bạch, đúng căn cứ pháp luật, đúng thẩm quyền; không hợp thức hóa hành vi vi phạm pháp luật; không làm thất thoát tài sản nhà nước; không làm ảnh hưởng đến việc xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và chịu sự kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện.

VII. ĐỀ NGHỊ CHÍNH PHỦ XEM XÉT, THÔNG QUA

Việc ban hành Nghị quyết của Chính phủ quy định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra là cần thiết, có cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn; phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội, Luật Thanh tra năm 2025 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nghị quyết sẽ tạo cơ sở pháp lý thống nhất để xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện kết luận thanh tra; bảo đảm việc thực hiện kết luận thanh tra phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ; đồng thời giữ vững tính nghiêm minh của hoạt động thanh tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và góp phần khơi thông nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Chính phủ quy định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra, Thanh tra Chính phủ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Bản thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý; Báo cáo thẩm định; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg CP Lê Tiến Châu (để b/c);
- Tổng TTCP (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Lê Tiến Đạt;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC (3).

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

Lê Tiến Đạt

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 66..../2026/NQ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT
Quy định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị của thanh tra nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị quyết quy định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị của thanh tra nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định nguyên tắc, trường hợp, phạm vi nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kết luận thanh tra.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

1. Bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, căn cứ pháp luật và căn cứ thực tiễn; chỉ được thực hiện đối với nội dung chịu tác động của căn cứ sửa đổi, không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các nội dung khác của kết luận thanh tra.

2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bảo đảm lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia, dân tộc.

3. Không được lợi dụng để hợp thức hóa hành vi vi phạm pháp luật, làm giảm trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hoặc làm thất thoát tài sản nhà nước.

4. Không làm ảnh hưởng đến việc xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật, giải quyết vụ án, vụ việc dân sự, hành chính hoặc việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa yêu cầu giữ vững tính nghiêm minh, hiệu lực của hoạt động thanh tra với yêu cầu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, khơi thông nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 3. Các trường hợp được sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

Kết luận, kiến nghị thanh tra được xem xét sửa đổi, bổ sung khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Phát hiện sai sót trong quá trình ban hành kết luận, kiến nghị thanh tra làm ảnh hưởng đến tính chính xác của nội dung kết luận, kiến nghị thanh tra.

2. Phát sinh tình tiết mới hoặc tài liệu, chứng cứ mới làm ảnh hưởng đến nội dung kết luận, kiến nghị thanh tra.

3. Quy định của pháp luật được áp dụng làm căn cứ ban hành kết luận, kiến nghị thanh tra đã thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung kết luận, kiến nghị thanh tra hoặc việc tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra.

4. Có kết luận, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan tiến hành tố tụng làm thay đổi căn cứ pháp lý hoặc căn cứ thực tế của kết luận, kiến nghị thanh tra.

5. Do sắp xếp tổ chức bộ máy, điều chỉnh địa giới hành chính, thay đổi quy hoạch, thay đổi cơ chế, chính sách hoặc các nguyên nhân khách quan khác dẫn đến việc không thể thực hiện hoặc không còn phù hợp để tiếp tục thực hiện toàn bộ hoặc một phần kết luận, kiến nghị thanh tra.

6. Trường hợp khác theo nghị quyết của Quốc hội hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

1. Việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra chỉ được thực hiện đối với nội dung chịu tác động trực tiếp của trường hợp quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra.

2. Nội dung được sửa đổi, bổ sung bao gồm:

a) Đánh giá, kết luận về sự việc, vụ việc liên quan trực tiếp đến nội dung được sửa đổi, bổ sung;

b) Kiến nghị xử lý về kinh tế;

c) Kiến nghị xử lý về hành chính;

d) Kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật;

đ) Thời hạn, biện pháp tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra;

e) Nội dung khác có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra.

3. Không được sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây:

a) Kết luận về hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 3 của Nghị quyết này;

b) Nội dung đã được Tòa án giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật hoặc đã được cơ quan tiến hành tố tụng quyết định theo quy định của pháp luật;

c) Nội dung làm thay đổi trách nhiệm pháp lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được xác định theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra không làm chấm dứt trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nội dung khác của kết luận, kiến nghị thanh tra không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung.

Điều 5. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

1. Thủ trưởng cơ quan thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra quyết định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra.

2. Đối với kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra đã kết thúc hoạt động thì Thủ trưởng cơ quan thanh tra đã tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thanh tra đó quyết định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra.

3. Đối với kết luận thanh tra đã báo cáo xin ý kiến và được Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp đồng ý thì Thủ trưởng cơ quan thanh tra phải báo cáo xin ý kiến của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước đó về việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra trước khi quyết định.

4. Trường hợp không xác định được thẩm quyền sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra, báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 6. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

1. Việc xem xét sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra được thực hiện trên cơ sở văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra có trách nhiệm tổ chức rà soát, đánh giá căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn của đề nghị sửa đổi, bổ sung; trường hợp cần thiết thì lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi quyết định.

3. Trước khi quyết định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra, cơ quan, người có thẩm quyền phải xem xét đầy đủ:

a) Căn cứ quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

b) Phạm vi sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này;

c) Tác động của việc sửa đổi, bổ sung đối với việc thực hiện kết luận thanh tra, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

4. Quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra phải được lập thành văn bản, nêu rõ căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, nội dung sửa đổi, bổ sung, trách nhiệm tổ chức thực hiện và thời điểm có hiệu lực.

5. Quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra phải được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và được công khai theo quy định của pháp luật, trừ nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

Điều 7. Hiệu lực của quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra

1. Kể từ thời điểm quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra có hiệu lực, nội dung được sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quyết định sửa đổi, bổ sung.

2. Các nội dung của kết luận, kiến nghị thanh tra không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tiếp tục có hiệu lực và phải được tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra là căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; xem xét, xử lý các vấn đề có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra không làm chấm dứt, đình chỉ hoặc thay đổi trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các nội dung không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung; không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quyết định xử lý đã được thực hiện theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Trường hợp quyết định sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nội dung kiến nghị về kinh tế, hành chính hoặc nội dung khác đã được cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung có trách nhiệm xác định rõ biện pháp xử lý tiếp theo để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này;

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương rà soát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị thanh tra thuộc trường hợp quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

c) Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định hoặc khi được yêu cầu;

d) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

a) Tổ chức rà soát các kết luận, kiến nghị thanh tra thuộc phạm vi quản lý để kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung theo quy định của Nghị quyết này;

b) Phối hợp với cơ quan thanh tra có thẩm quyền trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin và tổ chức thực hiện quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra;

c) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra thuộc phạm vi quản lý; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan có thẩm quyền về việc chậm trễ, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyết định.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghiêm các quyết định sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không thực hiện hoặc cản trở việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2026.

2. Nghị quyết này được áp dụng đối với các kết luận, kiến nghị thanh tra đã ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực nhưng đang được tổ chức thực hiện hoặc chưa hoàn thành việc thực hiện và thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

3. Đối với việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị thanh tra đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì không áp dụng Nghị quyết này.

4. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Thanh tra Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Tiến Châu

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CĐS (2b).